TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-PT
Ngày: 30 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Đặng Văn Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 14/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023, Thông v/v báo mở phiên tòa số 57/2023/TB-TA ngày 10/5/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 72/2023/QĐ-PT ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đ.V.Q, sinh năm 1950 và bà T.T.T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố T.C, phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

- Bị đơn: C.T.P.M; Địa chỉ: Tổ 11, khu phố T.C, phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông C.Ch – Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L.V.K, sinh năm 1962; Địa chỉ: 132/1 đường 3/2, phường 11, thành phố V.T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị xã P.M; Người đại diện theo pháp luật: Ông N.V.Th; Chức vụ: Chủ tịch. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Đ.V.Q và bà T.T.T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đ.V.Q và bà T.T.T trình bày: Ông Q, bà T là chủ sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số

30, diện tích 16.560m^2 đất cây lâu năm tại xã H.D, huyện T.Th1, (nay là phường H.D, thị xã P.M), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ.V.Q ngày 30/5/1996.

Ngày 14/11/2000, ông Q, bà T chuyển nhượng một phần thửa đất trên cho ông L.V.H với diện tích đất 5.000m^2, diện tích đất còn lại là là 11.560m^2.

Năm 2006, Nhà nước có chủ trương thu hồi một phần đất của gia đình ông Q để xây dựng cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp H.D, huyện T.Th1. Ngày 20/6/2006 UBND huyện T.Th1 ban hành quyết định số 2843/QĐ – UBND để thu hồi diện tích đất 5.910,6m^2. Sau khi có quyết định thu hồi UBND huyện T.Th1 đã tiến hành thực hiện chi trả tiền bồi thường và thực hiện nhận bàn giao đất trên thực địa, gia đình ông Q đã bàn giao đất cho UBND huyện T.Th1.

Sau khi thu hồi, phần đất còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Q là 5.649,4m^2. Tuy nhiên thực tế ông Q đang sử dụng diện tích khoảng là 4.926m^2. Ông Q xác định, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất của ông bị thiếu 5.649,4m^2 – 4.926m^2 = 723,4m^2.

Ông Q xác định thời điểm C.T.P.M tiến hành kéo ranh mốc và xây dựng tường rào bao quanh khu vực Cụm công nghiệp H.D, C.T.P.M đã lấn chiếm đất diện tích đất 723,4m^2 của ông. Ông Q đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến UBND xã H.D cũng như UBND huyện T.Th1 để khiếu nại về việc C.T.P.M lấn chiếm đất nhưng không được giải quyết dứt điểm.

Nay ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu C.T.P.M hoàn trả diện tích đất 723,4m^2 đã lấn chiếm. Đối với các công trình, vật kiến trúc C.T.P.M xây dựng trên vị trí đất lấn chiếm thì yêu cầu C.T.P.M có trách nhiệm di dời.

Tại đơn khởi kiện ông Q, bà T yêu cầu C.T.P.M bồi thường giá trị hoa màu, cây trái trên diện tích đất lấn chiếm tại thời điểm năm 2009 tương đương số tiền 286.000.000 đồng, quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Q, bà T rút yêu cầu này.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông L.V.K là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn C.T.P.M trình bày: C.T.P.M (gọi tắt là C.T.P.M) là chủ sử dụng của thửa đất số 799, tờ bản đồ số 24 (thửa mới là 633, tờ bản đồ số 39) diện tích 290.543,4m^2 tại xã H.D, huyện T.Th1, (nay là phường H.D, thị xã P.M) tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho C.T.P.M ngày 10/10/2007 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 287470.

Nguồn gốc của thửa đất: Ngày 09/8/2005 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2777/QĐ – UBND về việc thành lập cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D do C.T.P.M là chủ đầu tư. Ngày 21/11/2005 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quyết định số 4462/QĐ – UBND về việc thu hồi 292.534,6m^2 đất tại xã H.D, huyện T.Th1 để đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D và đường vào Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D.

Thực hiện quyết định trên, C.T.P.M đã phối hợp với UBND huyện T.Th1 tiến hành chi trả tiền bồi thường và các khoản chi phí khác cho các hộ dân có đất bị thu hồi theo quy định.

Ngày 20/7/2007 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 2450/QĐ – UBND về việc giao 290.543,4m^2 đất tại xã H.D, huyện T.Th1 cho C.T.P.M để đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D.

Khi tiến hành bàn giao đất, phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.Th1 cùng với UBND xã H.D đã tiến hành xác định mốc ranh giới ngoài thực địa để bàn giao khu đất cho C.T.P.M. Việc giao đất được xác định theo Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 số TH243-TT-05/BĐ-ĐC được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận ngày 10/11/2005.

Như vậy khi nhận bàn giao đất C.T.P.M nhận theo ranh mốc mà phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.Th1 đã xác định đồng thời tiến hành xây dựng theo ranh mốc đã bàn giao.

Quá trình tố tụng, qua đo đạc theo sơ đồ vị trí ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp xác định đất của C.T.P.M đã chồng lấn sang thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 tại phường H.D, thị xã P.M tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của ông Đ.V.Q với diện tích là 71,5m^2. Do đó ông Q, bà T cho rằng C.T.P.M lấn chiếm diện tích đất 723,4m^2 là không có căn cứ.

Theo kết quả đo đạc, C.T.P.M xác định có lấn chiếm một phần đất của ông Q, bà T với diện tích 71,5m^2, tại vị trí trên, C.T.P.M đã xây dựng hệ thống hàng rào bao quanh đất vì vậy C.T.P.M đồng ý di dời toàn bộ hệ thống hàng rào trên vị trí đất 71,5m^2 đã lấn chiếm để trả lại hiện trạng đất trống cho ông Q, bà T.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân thị xã P.M trình bày: Ngày 21/11/2005 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 4462/QĐ – UBND về việc thu hồi 292.534,6m^2 đất tại xã H.D, huyện T.Th1 để đầu tư xây dựng: Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D và đường vào Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D.

Ngày 20/6/2006 Uỷ ban nhân dân huyện T.Th1 ban hành Quyết định số 2843/QĐ – UBND về việc thu hồi 5.910,6m^2 đất của hộ ông Đ.V.Q tại xã H.D để đầu tư xây dựng: Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D, huyện T.Th1.

Ngày 29/6/2006 Uỷ ban nhân dân huyện T.Th1 ban hành Quyết định số 2934/QĐ – UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đ.V.Q để xây dựng công trình: Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D (đợt 1), huyện T.Th1.

Ngày 20/7/2007 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2450/QĐ – UBND về việc giao 290.543,4m^2 đất tại xã H.D, huyện T.Th1 cho C.T.P.M để đầu tư xây dựng: Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp H.D.

Thực hiện Quyết định số 2450/QĐ – UBND ngày 20/7/2007, ngày 21/9/2007 đại diện UBND huyện T.Th1 gồm có Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.Th1 và UBND xã H.D đã tiến hành bàn giao đất cho C.T.P.M. Việc bàn giao đã được thực hiện trên thực địa theo các mốc giới ngoài thực địa được xác định theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất tỉ lệ 1/1000, số TH 243-TT-05/BĐĐC được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận.

Thời điểm bàn giao đất cho C.T.P.M, bên giao đất và bên nhận đất đã đồng ý và thống nhất ranh giới ngoài thực địa, đường ranh giới khu đất, diện tích thực địa đúng với kích thước, vị trí, diện tích đất ghi trong hồ sơ. Các hộ dân có đất bị thu hồi, trong đó có gia đình ông Q không có khiếu nại gì về vị trí đất đã thu hồi.

Do đó, ông H, ông H1 xác định UBND huyện T.Th1 (nay là UBND thị xã P.M) đã bàn giao đất cho C.T.P.M đúng vị trí và diện tích.

Việc C.T.P.M tiếp nhận ranh mốc bàn giao, sau đó trong quá trình xây dựng có lấn chiếm sang đất của hộ ông Q hay không thì UBND thị xã P.M không biết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: UBND thị xã P.M yêu cầu Toà án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ.V.Q, bà T.T.T đối với C.T.P.M về "Tranh chấp quyền sử dụng đất";

1.1. Buộc C.T.P.M giao trả cho ông Đ.V.Q, bà T.T.T diện tích đất 71,5m2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46) toạ lạc tại phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Vị trí đất được thể hiện tại các điểm 1-2-3-4-5-14-13-1 trên Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đính kèm bản án).

1.2. Buộc C.T.P.M tháo dỡ công trình xây dựng là hàng rào gạch blok (gạch xi măng) có chiều dài 157,05m trên diện tích đất 71,5m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 36) toạ lạc tại phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Vị trí hàng rào được thể hiện tại các điểm 1-2-3-4-5-14-13-1 trên Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đính kèm bản án).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.V.Q, bà T.T.T đối với C.T.P.M về yêu cầu bồi thường giá trị hoa màu, cây trái trên diện tích đất 723,4m^2 với số tiền 286.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 03/10/2022 bà ông Đ.V.Q và bà T.T.T kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu C.T.P.M trả lại 723,4m^2 đất lấn chiếm và bồi thường toàn bộ hoa màu trên đất.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

+ C.T.P.M được quyền sử dụng diện tích đất 71,5m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vị trí đất thể hiện tại các điểm 1-2-3-4-5-14-13-1 trên Sơ đồ vị trí tỷ lệ

1/1000 ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đính kèm bản án).

+ C.T.P.M có nghĩa vụ trả cho ông Đ.V.Q và bà T.T.T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Đã trả xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

+ C.T.P.M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nêu trên theo quy định.

+ Ông Đ.V.Q và bà T.T.T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0756781 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00407 QSDĐ/128/QĐ.UBH do UBND huyện T.Th1 cấp cho ông Đ.V.Q ngày 30/5/1996 khi có yêu cầu để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 nêu trên cho C.T.P.M theo quy định.

+ Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, thu thập chứng cứ: C.T.P.M có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đ.V.Q, bà T.T.T số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Đã thanh toán xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

+ Án phí: Các bên chịu theo quy định.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

[1.1] C.T.P.M được quyền sử dụng diện tích đất 71,5m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vị trí đất thể hiện tại các điểm 1-2-3-4-5-14-13-1 trên Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đính kèm bản án).

[1.2] C.T.P.M có nghĩa vụ trả cho ông Đ.V.Q và bà T.T.T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Đã trả xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

[1.3] C.T.P.M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nêu tại mục 1.1 phần quyết định này theo quy định.

[1.4] Ông Đ.V.Q và bà T.T.T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0756781 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00407 QSDĐ/128/QĐ.UBH do UBND huyện T.Th1 cấp cho ông Đ.V.Q ngày 30/5/1996 khi có yêu cầu để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 nêu tại mục 1.1 phần quyết định này cho C.T.P.M theo quy định.

[1.5] Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, thu thập chứng cứ: C.T.P.M có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đ.V.Q, bà T.T.T số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Đã thanh toán xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

[1.6] Án phí: Các bên chịu theo quy định.

[2] Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Từ nhận định trên, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: C.T.P.M phải chịu 300.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ.V.Q và bà T.T.T phải chịu nhưng được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1. C.T.P.M được quyền sử dụng diện tích đất 71,5m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vị trí đất thể hiện tại các điểm 1-2-3-4-5-14-13-1 trên Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 ngày 28/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đính kèm bản án).

1.2. C.T.P.M có nghĩa vụ trả cho ông Đ.V.Q và bà T.T.T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Đã trả xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

1.3. C.T.P.M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 30 (thửa mới là 42, tờ bản đồ số 46), phường H.D, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nêu tại mục 1.1 phần quyết định này theo quy định.

1.4. Ông Đ.V.Q và bà T.T.T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0756781 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00407 QSDĐ/128/QĐ.UBH do UBND huyện T.Th1 cấp cho ông Đ.V.Q ngày 30/5/1996 khi có yêu cầu để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý về quyền sử dụng đất diện tích 71,5m^2 nêu tại mục 1.1 phần quyết định này cho C.T.P.M theo quy định.

1.5. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, thu thập chứng cứ: C.T.P.M có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đ.V.Q, bà T.T.T số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Đã thanh toán xong số tiền này vào ngày 30/5/2023.

1.6. Án phí dân sự sơ thẩm: C.T.P.M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ.V.Q và bà T.T.T phải chịu nhưng được miễn do là người cao tuổi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TX P.M;
- Chi cục THADS TX P.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tâm